

Bản án số 89 /2021/ HSST

Ngày: 24/8/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình

Ông Đặng Đình Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Mai Việt Hùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76 /2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đào Tuấn D**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1991 tại huyện H, tỉnh N; Nơi cư trú: Thôn B, xã Ninh A, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp; Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông: Đào Quốc S (đã chết) và con bà: Lương Thị H1 sinh năm 1966; có vợ: Đinh Thị T và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/4/2021 đến ngày 05/5/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” cho đến nay.

Bị hại: Bà Vũ Thị D1, sinh năm 1951; trú tại: Phố Vinh Quang, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1992;

Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1970;

Tại phiên tòa có mặt bị cáo; Vắng mặt bị hại, người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Tuấn D là nhân viên lái xe riêng cho anh Nguyễn Đức H2 sinh năm 1992 là con trai bà Vũ Thị D1 sinh năm 1951 trú tại phố V, phường Ninh K, thành phố N. Khoảng 8 giờ ngày 29/4/2021 D đến nhà bà D1 ngồi ở ghế hành lang tầng hầm đối diện phòng ngủ của bà D1 để đợi chờ anh H2 đi làm. Khoảng 9 giờ cùng ngày, khi D đang ngồi ở ghế thì thấy bà D1 đi từ phòng ngủ ra ngoài rồi đi xuống khu vực nhà bếp nói chuyện điện thoại nhưng không đóng cửa phòng. Bản thân D do đang cần tiền nên khi thấy bà D1 sơ hở D đã nảy sinh ý định lẻn vào phòng bà D1 để trộm cắp tài sản. Khi thấy bà D1 đi vào trong bếp và đã khuất tầm nhìn ra phía bên ngoài hành lang nơi D đang ngồi thì D nhanh chóng đi vào phòng ngủ của bà D1, D phát hiện thấy trên mặt bàn uống nước trong phòng ngủ có để 01 tập tiền mệnh giá 500.000 đồng với tổng số tiền 30.000.000 đồng, D đến bàn uống nước và lấy toàn bộ số tiền cất giấu vào cặp quần hông bên trái của mình đang mặc và đi ra ngoài ngồi tại ghế ở hành lang đối diện phòng ngủ bà D1 đợi anh Hạnh. Bà D1 sau khi đi vào phòng ngủ của mình phát hiện mất số tiền 30.000.000 đồng để trên mặt bàn uống nước đã trình báo công an thành phố Ninh Bình. Sau khi nhận được tin báo, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Ninh Bình đã tiến hành đến nhà bà D1 để xác minh điều tra. Quá trình làm việc biết không thể che giấu được hành vi phạm tội D đã tự giác khai nhận với cơ quan điều tra mình là người đã trộm cắp số tiền trên mặt bàn trong phòng ngủ của bà D1 đồng thời lấy 60 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng D đã trộm cắp của bà D1 đang giấu trong cặp quần hông bên trái giao nộp cho cơ quan công an rồi xin đầu thú hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ số tiền do D giao nộp rồi lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với D.

Tại bản cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 24/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình đã truy tố bị cáo Đào Tuấn D ra trước Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Đào Tuấn D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Đào Tuấn D từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 21 (Hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng đến 42 tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đào Tuấn D cho UBND xã Ninh A, huyện H, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

Bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ninh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đào Tuấn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cũng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 9 ngày 29/04/2021 tại nhà bà Vũ Thị D1 ở phố V, phường N2, thành phố N1. Lợi dụng sơ hở bị cáo Đào Tuấn D đã lén lút lên vào phòng ngủ của bà D1 lấy trộm số tiền 30.000.000 đồng thì bị phát hiện bắt giữ.

Hành vi này của bị cáo Đào Tuấn D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình truy tố bị cáo Đào Tuấn D về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương do vậy cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Đào Tuấn D không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Quá trình làm việc với cơ quan điều tra biết không thể che giấu được hành vi phạm tội bị cáo D đã tự giác khai nhận với cơ quan điều tra mình là người đã trộm cắp số tiền 30.000.000đ trên mặt bàn trong phòng ngủ của bà Diệm, bị cáo D xin đầu thú hành vi phạm tội của mình; bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó cần cho bị cáo hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, lý lịch rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự .

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương nên căn cứ vào các điều kiện được hưởng án treo cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo ấn định thời gian thử thách đồng thời giao

bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Các vấn đề khác: Đối với số tiền 30.000.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Đào Tuấn D, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Vũ Thị D1 bị D trộm cắp, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà D1 số tiền trên là đúng quy định. Bà D1 sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo Đào Tuấn D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí; Bị cáo có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s, khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Tuyên bố: bị cáo Đào Tuấn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: bị cáo Đào Tuấn D 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đào Tuấn D cho UBND xã Ninh A, huyện H, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo Đào Tuấn D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB
 - VKSND- TPNB
 - Các bị cáo
 - Bị hại
 - VKSND tỉnh NB
 - Công an thành phố NB
- Thi hành án dân sự TPNB*
- Sở tư pháp
 - Lưu

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lâm Thị Thanh Nhàn

